

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN K  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2019/HNGĐ-ST  
Ngày 27-8-2019  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lưu Thanh Huyền

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Bùi Đình Ngát

Ông Bùi Đình Phùng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Ngà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 143/2019/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 5 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2019/QĐXX-ST ngày 01 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26 ngày 16 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Dương Thị T, sinh năm 1982; địa chỉ HKTT: Thôn Ú, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Thôn P, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình; Có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: Thôn Úc Gián, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn xin ly hôn ngày 08/5/2019 và bản tự khai ngày 20/5/2019 chị T trình bày: Chị tự nguyện kết hôn với anh Nguyễn Văn T1, thời gian năm 2006 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Nói chung vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 02 năm đầu. Tuy nhiên trong quá trình sống chung mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2008 và trở nên trầm trọng từ

đầu năm 2016 do phong cách sống không còn phù hợp, anh T1 chơi bời cờ bạc, vợ chồng nghi ngờ nhau sống không chung thủy, nên thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau. Mặc dù chị cố gắng sống chịu đựng và gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhiều lần để vợ chồng trở lại sống đoàn tụ nhưng không thành. Chị bỏ về mẹ đẻ ở từ tháng 12/2016 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài; Chị xin ly hôn anh T.

Về con chung: Có 02 con là Nguyễn Dương Thái B, sinh ngày 30/01/2008 và Nguyễn Dương Châu B1, sinh ngày 24/8/2012. Hiện cháu B đang do anh T1 nuôi dưỡng, cháu B1 đang do chị nuôi dưỡng. Chị xin tiếp tục nuôi dưỡng cháu B1, nhất trí để anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng cháu B đến khi cả 02 con đủ 18 tuổi; trên cơ sở nguyện vọng của cả 02 con. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn T1 trình bày tại bản tự khai ngày 22/5/2019: Thống nhất với chị T về thời gian, điều kiện kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do phong cách sống không phù hợp, vợ chồng nghi ngờ nhau sống không chung thủy nên thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau. Chị T bỏ về mẹ đẻ ở từ tháng 12/2016 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay anh thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn rất trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài. Nhưng anh xin đoàn tụ với chị T để nuôi dạy con chung.

Về con chung: Có 02 con là Nguyễn Dương Thái B, sinh ngày 30/01/2008 và Nguyễn Dương Châu B1, sinh ngày 24/8/2012. Hiện cháu Bảo đang do anh nuôi dưỡng, cháu B1 đang do chị T nuôi dưỡng. Anh xin tiếp tục nuôi dưỡng cháu B, nhất trí để chị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu B1 đến khi cả 02 con đủ 18 tuổi; trên cơ sở nguyện vọng của cả 02 con. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn không chấp hành đầy đủ nghĩa vụ quy định tại khoản 15, 16 Điều 70, khoản 1 Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét công khai và kết quả công bố công khai tại phiên tòa xét thấy:

1. Về tố tụng: Chị T là nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

Anh T1 là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T1 tự nguyện kết hôn năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 phát sinh mâu thuẫn do phong cách sống không còn phù hợp, nghi ngờ nhau sống không chung thủy, vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau. Mặc dù gia đình, thôn xóm đã nhiều lần khuyên giải để vợ chồng sống đoàn tụ nhưng không thành. Chị T bỏ về mẹ đẻ ở từ tháng 12/2016 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Anh T1 cũng thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn tồn tại. Nay chị T xin ly hôn, anh T1 xin đoàn tụ. Xét yêu cầu của hai bên thấy rằng tình trạng hôn nhân của vợ chồng rất trầm trọng, tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài; Nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị Dương Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Văn T1.

3. Về con chung: Anh chị có 02 con là Nguyễn Dương Thái B, sinh ngày 30/01/2008 và Nguyễn Dương Châu B1 sinh ngày 24/8/2012. Chị T và anh T1 đều thống nhất giao cháu B cho anh T1 nuôi dưỡng, giao cháu B1 cho chị T nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, phù hợp với nguyện vọng của cả 02 cháu, cần chấp nhận.

Căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử: Giao cháu Nguyễn Dương Thái B, sinh ngày 30/01/2008 cho anh T1 nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Giao cháu Nguyễn Dương Châu B1, sinh ngày 24/8/2012 cho chị T nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hai bên đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản, công nợ: Đề không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản

lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả công bố công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị T là nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

Anh T1 là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T tự nguyện kết hôn với anh T1 năm 2006 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Đánh giá chung vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 10 năm. Song trong thời gian sống chung mâu thuẫn phát sinh từ đầu năm 2016 do phong cách sống không còn phù hợp, nghi ngờ nhau sống không chung thủy. Vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau. Mặc dù đã được gia đình, thôn xóm hòa giải nhiều lần để vợ chồng sống đoàn tụ nhưng không thành. Chị T bỏ về mẹ đẻ ở từ tháng 12/2016 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay chị T xin ly hôn, còn anh T1 xin đoàn tụ. Nhưng qua điều tra xác minh theo yêu cầu của đương sự tại UBND xã T, huyện K cho biết: Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ đầu năm 2016 đến nay ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, hai người đã sống ly thân từ tháng 12/2016 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị T là có cơ sở chấp nhận; Nên xử cho chị T được ly hôn anh T1 là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 con là Nguyễn Dương Thái B, sinh ngày 30/01/2008 và Nguyễn Dương Châu B1, sinh ngày 24/8/2012. Hiện cháu B đang do anh T1 nuôi dưỡng, cháu B1 đang do chị nuôi dưỡng. Nay anh chị đều thống nhất giao cháu B cho anh T1 nuôi dưỡng, giao cháu B1 cho chị T nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, phù hợp với nguyện vọng của cả 02 cháu, cần chấp nhận. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hai bên đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ: Đề không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T1.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Dương Thái B, sinh ngày 30/01/2008 cho anh T1 nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Giao cháu Nguyễn Dương Châu B1, sinh ngày 24/8/2012 cho chị T nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, hai bên đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA.0012246 ngày 14 tháng 5 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị T đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã H; huyện L; tỉnh Quảng Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lưu Thanh Huyền**



